

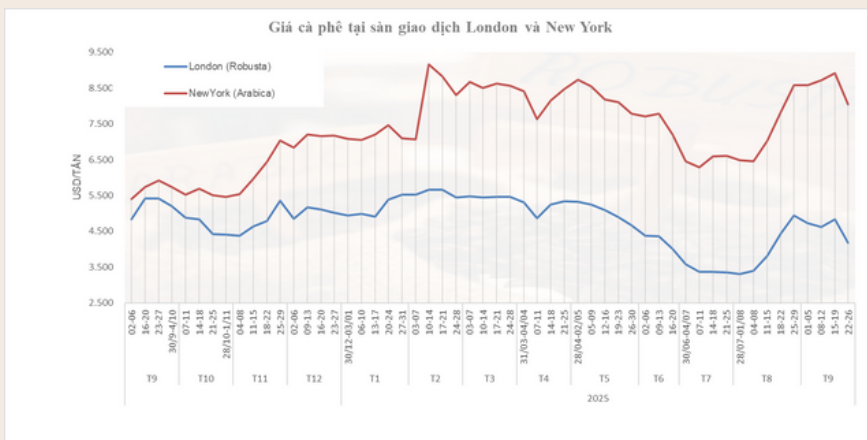
NGÀNH HÀNG CÀ PHÊ

www.thitruongnongsan.gov.vn

ĐIỂM TIN

- Giá cà phê giảm trên hai thị trường New York và London trong tuần từ 22-26/09/2025.
- Niên vụ 2025/2026 sản lượng cà phê Robusta của Brazil ước đạt 27 triệu bao, sản lượng cà phê Robusta của Indonesia ước đạt 12,1 triệu bao.
- Xuất khẩu cà phê Brazil sang thị trường Hoa Kỳ giảm 46% trong tháng 8/2025.
- Ủy ban châu Âu dự định hoãn thực thi EUDR thêm một năm, sang cuối 2026, do hạ tầng CNTT chưa sẵn sàng

THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE



ISPAE

AGREINFOS

Hệ thống thông tin thị trường cho
một số ngành hàng nông sản chiến lược - gạo, cà phê và rau quả

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ THẾ GIỚI

GIÁ CÀ PHÊ THẾ GIỚI

Trong tuần 22/09/2025 đến 26/09/2025, giá cà phê thế giới tăng trên hai sàn giao dịch London và New York. Cụ thể, giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 11/2025 tại thị trường London bình quân đạt 4.169 USD/tấn, giảm 13,8% so với tuần trước và giảm 22,9% so với cùng kỳ năm 2024. Giá cao nhất trong tuần đạt 4.280 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 4.094 USD/tấn. [1]

Tại thị trường New York, giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 9/2025 bình quân đạt 8.037 USD/tấn, giảm 9,8% so với tuần trước, và tăng 35,6% so với cùng kỳ năm 2024. Giá cao nhất trong tuần đạt 8.187 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 7.719 USD/tấn.[1]

SẢN LƯỢNG CÀ PHÊ ROBUSTA THẾ GIỚI

Vụ thu hoạch cà phê Brazil 2025/26 (tháng 7/2025 – tháng 6/2026) đã gần như hoàn tất. Sản lượng Robusta Conilon được ước tính ở mức trung vị 27 triệu bao – cao hơn so với các năm trước. Theo Cecafé, xuất khẩu Robusta Conilon của Brazil trong niên vụ 2024/25 đạt 6,58 triệu bao, giảm 20,25% so với năm trước. Năm nay tiếp tục là năm được mùa Robusta, phần lớn sẽ phục vụ tiêu thụ nội địa, song vẫn có khả năng gia tăng xuất khẩu. [2]

Tại Indonesia, vụ cà phê 2025/2026 của quốc gia này đang được thu hoạch với sản lượng ước đạt 12,10 triệu bao Robusta cung cấp một lượng khá lớn cho tiêu dùng nội địa và xuất khẩu.[2]



Tại Việt Nam, vụ thu hoạch cà phê niên vụ 2025/2026 (tháng 10/2025 – tháng 9/2026) nhiều khả năng sẽ bắt đầu muộn do tình trạng mưa kéo dài dưới tác động của bão và lượng mưa lớn tại các vùng sản xuất trọng điểm. Trong trường hợp mưa tiếp diễn, tiến độ thu hoạch có nguy cơ bị trì hoãn đáng kể.[2]

BRAZIL

Xuất khẩu cà phê của Brazil sang Hoa Kỳ đã giảm mạnh do mức thuế 50% mà Hoa Kỳ áp đặt từ tháng 8/2025. Trong tháng 8, lượng xuất khẩu giảm 46% so với cùng kỳ năm trước, và đến giữa tháng 9 tiếp tục giảm thêm 20%. Điều này khiến Hoa Kỳ không còn là thị trường lớn

nhất của Brazil. Trước tình hình đó, Brazil đã tăng xuất khẩu sang các thị trường khác như Colombia, Ý và Anh, trong đó xuất khẩu sang Colombia tăng đột biến. [3]

Chính sách thuế của Hoa Kỳ đã làm thị trường cà phê toàn cầu biến động, giá tăng cao, mang lại lợi ích cho nông dân nhưng gây khó khăn cho doanh nghiệp xuất khẩu, nhà rang xay và người tiêu dùng. [3]

Nhiều nông dân Brazil giữ lại hàng hóa để chờ giá tốt hơn, dẫn đến tồn kho cao bất thường. Tuy nhiên, Hoa Kỳ vẫn là thị trường không thể thay thế. Nếu thuế duy trì lâu dài, người tiêu dùng Hoa Kỳ có thể quen với nguồn cung khác, khiến Brazil khó giành lại thị phần. Do đó, giới xuất khẩu kêu gọi chính phủ hai nước cần đối thoại để tháo gỡ căng thẳng thương mại.[3]

EUDR CÓ THỂ HOÃN ĐẾN THÁNG 12/2026.

Ngày 23/9, Ủy ban châu Âu công bố ý định hoãn thời hạn thực thi Quy định Chống phá rừng của EU (EUDR) thêm một năm, từ ngày 30/12/2025 sang ngày 30/12/2026. Cần lưu ý rằng đây mới chỉ là ý định hoãn, chưa phải quyết định chính thức về việc lùi, rút hoặc sửa đổi quy định. [4]

Động thái này xuất phát từ những lo

ngại về mức độ sẵn sàng của hạ tầng công nghệ thông tin cần thiết để vận hành khung tuân thủ EUDR. Các tổ chức ngành hàng đang theo dõi và hỗ trợ doanh nghiệp chuẩn bị tuân thủ quy định này. [3]

THÁI LAN

Theo Trung tâm Thương mại quốc tế (ITC), trong 7 tháng đầu năm 2025, nhập khẩu cà phê của Thái Lan đạt 21,7 nghìn tấn, trị giá 104,8 triệu USD, giảm 38,1% về lượng và giảm 19,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.[5]

7 tháng đầu năm 2025, giá bình quân nhập khẩu cà phê vào Thái Lan đạt 4.821 USD/tấn, tăng 29,3% so với cùng kỳ năm 2024. Giá bình quân nhập khẩu cà phê của Thái Lan từ các thị trường lớn đều tăng so với cùng kỳ năm 2024, ngoại trừ giá nhập khẩu từ Brazil giảm. Trong đó, giá bình quân nhập khẩu cà phê của Thái Lan từ Việt Nam tăng 54,4% so với cùng kỳ năm 2024, lên mức 5.352 USD/tấn.[5]

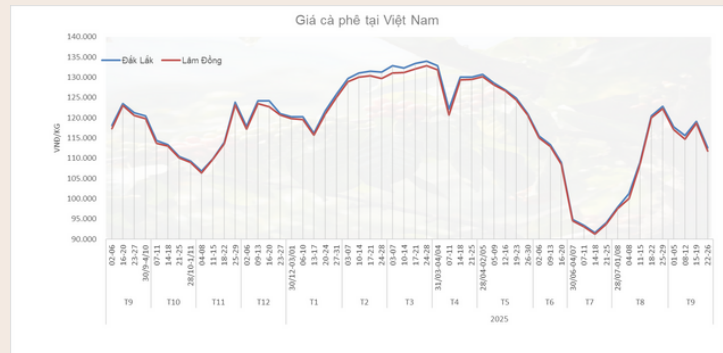




ĐIỂM TIN

- Giá cà phê tại Lâm Đồng và Đắk Lắk giảm so với tuần trước.
- Xuất khẩu cà phê Việt Nam ước đạt 8 tỷ USD năm 2025.
- FTA, thuế suất và chứng chỉ chất lượng đang mở ra cơ hội nâng giá xuất khẩu cho cà phê Việt Nam.
- Hiệp hội Cà phê-Ca cao Việt Nam đã phối hợp với Thương vụ Việt Nam tại Canada (Ca-na-đa) và Hiệp hội Cà phê Canada tổ chức Ngày cà phê Việt Nam tại Toronto nhằm quảng bá các sản phẩm tại thị trường Bắc Mỹ này.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC



Nguồn: CTV AgroInfo

GIÁ CÀ PHÊ TRONG TUẦN

Trong tuần từ 22/09/2025 đến ngày 26/09/2025, giá cà phê tại các tỉnh Lâm Đồng và Đắk Lắk giảm so với tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê bình quân đạt 112.533 VNĐ/kg, giảm 5,5% so với tuần trước, và giảm 7,2% so với cùng kỳ năm 2024. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 113.433 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 111.433 VNĐ/kg.[1]

Tại Lâm Đồng, giá cà phê trung bình đạt 111.800 VNĐ/kg, giảm 5,8% so với tuần trước, và giảm 7,3% so với cùng kỳ năm trước. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 112.500 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 110.433 VNĐ/kg. [1]

XUẤT KHẨU CÀ PHÊ VIỆT NAM ƯỚC ĐẠT 8 TỶ USD NĂM 2025.

Trong bối cảnh thương mại toàn cầu biến động bởi các yếu tố địa–chính trị và chính sách thuế quan, ngành cà phê Việt Nam nổi lên như một điểm sáng đáng chú ý. Niên vụ 2024/25, xuất khẩu đạt 1,35 triệu tấn, trị giá 7,5 tỷ USD, lần đầu vượt mốc 7 tỷ USD. Giá xuất khẩu bình quân duy trì mức kỷ lục 5.600 – 5.700 USD/tấn, góp phần gia tăng kim ngạch bất chấp biến động khối lượng.[2]

Thị trường xuất khẩu chủ lực gồm châu Âu (3,6 tỷ USD), châu Mỹ (4,7%) và châu Á (20,7%). Tuy nhiên, cạnh tranh gia tăng tại Trung Quốc từ phía Brazil và nguy cơ chính sách thuế Mỹ thay đổi có thể ảnh hưởng đến lợi thế hiện tại của Việt Nam.[2]

Theo ông Nguyễn Nam Hải, Chủ tịch Hiệp hội Cà phê Ca cao, xuất khẩu cà phê của Việt Nam dự báo đạt kỷ lục gần 8 tỷ USD năm 2025, vừa nhờ hưởng lợi từ sự thiếu hụt nguồn cung tại các thị trường lớn, vừa nhờ nhu cầu gia tăng mạnh tại châu Á. [2]



HIỆP ĐỊNH FTA MỞ RA CƠ HỘI NÂNG GIÁ XUẤT KHẨU CÀ PHÊ VIỆT NAM.

Các hiệp định thương mại tự do (FTA) mang lại cơ hội lớn cho xuất khẩu cà phê Việt Nam thông qua ưu đãi thuế quan và khả năng tham gia xây dựng tiêu chuẩn sản phẩm tại thị trường nhập khẩu. Tuy nhiên, lợi ích từ FTA chưa được khai thác tối đa do nhiều hạn chế nội tại. [3]

Thứ nhất, giá cà phê Robusta của Việt Nam vẫn thường thấp hơn mức bình quân của thị trường quốc tế, nguyên nhân đến từ hạn chế về chế biến sâu, thiếu đa dạng sản phẩm và giá trị gia tăng còn thấp. Trong khi đó, cà phê Arabica, vốn có giá trị cao lại chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng xuất khẩu của Việt Nam, khiến cơ hội tận dụng FTA chưa thực sự phát huy hết tiềm năng.[3]

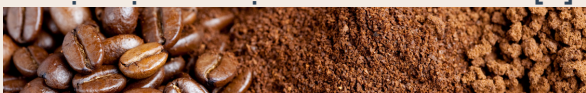
Thứ hai, nhiều thị trường nhập khẩu lớn như EU, Mỹ, Nhật Bản không chỉ quan tâm đến giá mà còn đòi hỏi cà phê phải đạt các chứng nhận quốc tế như Rainforest Alliance, UTZ, Organic, Fairtrade... Trong khi đó, tỷ lệ diện tích cà phê của Việt Nam có chứng chỉ còn khá khiêm tốn. Điều này khiến nhiều lô hàng khó

có thể đi sâu vào phân khúc cao cấp, dù đã có ưu đãi thuế.[3]

Ngoài ra, xu hướng tiêu dùng toàn cầu đang chuyển dịch mạnh sang cà phê “xanh”, sản xuất theo hướng bền vững, giảm phát thải carbon. Đây là một thách thức lớn với sản xuất cà phê Việt Nam vốn còn nặng về canh tác truyền thống.[3]

Có thể thấy, các FTA đã mở ra nhiều cơ hội nhưng lợi ích thực sự mà cà phê Việt Nam thu được vẫn còn khá hạn chế. Để thay đổi tình trạng này, ngành cà phê cần một chiến lược dài hạn và toàn diện. Trước hết, cần đẩy mạnh chế biến sâu, thay vì chỉ phụ thuộc vào xuất khẩu cà phê thô, từ đó phát triển đa dạng sản phẩm như cà phê rang xay, cà phê hòa tan hay cà phê đặc sản nhằm gia tăng giá trị. Song song với đó, việc mở rộng diện tích đạt các chứng chỉ quốc tế là điều tất yếu để đáp ứng yêu cầu ngày càng khắt khe từ những thị trường nhập khẩu lớn như EU, Mỹ hay Nhật Bản[3]

Cùng với đó, xây dựng và quảng bá thương hiệu cà phê Việt gắn với chỉ dẫn địa lý, bản sắc văn hóa và cam kết phát triển bền vững cũng sẽ tạo lợi thế cạnh tranh lâu dài.[3]



QUẢNG BÁ CÀ PHÊ VIỆT NAM TẠI THỊ TRƯỜNG CANADA.

Canada là một trong những quốc gia tiêu thụ cà phê nhiều nhất trên thế giới. Với mục tiêu mở rộng thị trường xuất khẩu ra ngoài khu vực truyền thống, Hiệp hội Cà phê-Cacao Việt Nam đã phối hợp với Thương vụ Việt Nam tại Canada (Ca-na-đa) và Hiệp hội Cà phê Canada tổ chức Ngày cà phê Việt Nam tại Toronto nhằm quảng bá các sản phẩm tại thị trường Bắc Mỹ này. Sự kiện thu hút 18 doanh nghiệp xuất khẩu cà phê lớn, cùng các đại diện hoạt động trong ngành cà phê của Canada và nhiều doanh nghiệp của kiều bào tại Canada.[4]

Canada là một thị trường tiềm năng khi xuất khẩu cà phê của Việt Nam đã tăng 300% từ 10 triệu USD lên tới gần 40 triệu USD sau khi hai bên tham gia Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP). Tuy nhiên, xuất khẩu chủ yếu vẫn là cà phê thô, giá trị gia tăng thấp và thiếu thương hiệu. Để tận dụng cơ hội, ngành cà phê Việt Nam cần đẩy mạnh chế biến sâu, mở rộng chứng chỉ chất lượng và xây dựng thương hiệu gắn với phát triển bền vững.[4]

GIÁ CÀ PHÊ NHÂN XÔ

ĐVT: VNĐ/kg

Tỉnh/ huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/ giảm
LÂM ĐỒNG	110.800	112.500	111.000	112.500	112.200	111.800	-6.880
Di Linh	110.800	112.500	111.000	112.500	112.200	111.800	-6.880
Lâm Hà	110.800	112.500	111.000	112.500	112.200	111.800	-6.880
Bảo Lộc	110.800	112.500	111.000	112.500	112.200	111.800	-6.880
ĐẮK LẮK	111.433	112.933	111.933	113.433	112.933	112.533	-6.560
Cư M'gar	111.500	113.000	112.000	113.500	113.000	112.600	-6.560
Ea H'leo	111.400	112.900	111.900	113.400	112.900	112.500	-6.560
Buôn Hồ	111.400	112.900	111.900	113.400	112.900	112.500	-6.560
ĐẮK NÔNG	111.450	113.150	111.950	113.450	113.100	112.620	-6.910
Gia Nghĩa	111.500	113.200	112.000	113.500	113.300	112.700	-6.880
Đắk R'lấp	111.400	113.100	111.900	113.400	112.900	112.540	-6.940
GIA LAI	111.133	112.933	111.433	113.333	112.533	112.273	-6.860
Chư Prông	111.200	113.000	111.500	113.400	112.600	112.340	-6.860
Pleiku	111.100	112.900	111.400	113.300	112.500	112.240	-6.860
La Grai	111.100	112.900	111.400	113.300	112.500	112.240	-6.860
KON TUM	111.100	112.900	111.400	113.300	112.500	112.240	-6.860
Đắk Hà	111.100	112.900	111.400	113.300	112.500	112.240	-6.860

Nguồn: CTV Agreinfos, Giacaphe.com

TÀI LIỆU THAM KHẢO

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- [1]: <https://www.investing.com>
- [2]: [L. & M. Smith \(Pty\) Ltd.](#)
- [3]: <https://www.reuters.com>
- [4]: <https://ukft.org>
- [5]: [Cục Xuất nhập khẩu-Bộ Công thương](#)

THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

- [1]: Cộng tác viên của Agreinfos
- [2]: <https://thuonggiaonline.vn/>
- [3]: <https://congthuong.vn>
- [4]: <https://baolamdong.vn>



Hệ thống thông tin thị trường cho một số ngành hàng nông sản chiến lược - gạo, cà phê và rau quả